

Số: 890/KL-TTr

Lai Châu, ngày 16 tháng 10 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc thanh tra đột xuất công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng
trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2015-2021

Thực hiện Quyết định số 41/QĐ-TTr ngày 14/4/2023 của Chánh Thanh tra tỉnh Lai Châu thanh tra đột xuất công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (QLBVPTR) trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2015-2021. Từ ngày 18/4/2023 đến ngày 16/6/2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành công bố quyết định thanh tra, kiểm tra hồ sơ, tài liệu, đối chiếu nội dung thanh tra với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT), UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 44/BC-ĐTTr ngày 11/8/2023 của Trưởng đoàn thanh tra. Thanh tra tỉnh Lai Châu kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Lai Châu là tỉnh biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc, diện tích tự nhiên trên 9.000 km², có 265,165 km đường biên giới, tiếp giáp với Trung Quốc và các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Điện Biên, Sơn La. Với diện tích đất lâm nghiệp là 589.395,0 ha chiếm gần 65% diện tích tự nhiên; tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2022 đạt 51,87%, diện tích có rừng 457.472,79 ha (diện tích rừng tự nhiên 450.392,33 ha, rừng trồng 7.080,46 ha); diện tích chưa thành rừng 15.203,25 ha. Là vị trí đầu nguồn sông Đà, tài nguyên rừng của tỉnh có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp, điều tiết nguồn nước tưới tiêu, sinh hoạt cho vùng hạ lưu, đồng thời giúp điều tiết nguồn nước cho các công trình thủy điện lớn của Quốc gia như: Sơn La, Hòa Bình, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát và các công trình thủy điện vừa và nhỏ khác. Bên cạnh đó, tài nguyên rừng còn có vai trò trong phát triển kinh tế, xã hội, tạo thu nhập cho người dân địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái, chống biến đổi khí hậu, bồi lắng lòng hồ, sạt lở đất, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện công tác QLBVPTR trên địa bàn tỉnh có những thuận lợi, khó khăn nhất định; hạn chế mang tính chủ quan, khách quan ở mỗi thời điểm và ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến tiến độ, hiệu quả, chất lượng công tác QLBVPTR.

I. THUẬN LỢI

Công tác QLBVPTR luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT); Tỉnh ủy, HĐND-UBND tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa cơ chế, chính sách, ban hành văn bản chỉ đạo,

điều hành; các sở, ngành, địa phương đã phối hợp chặt chẽ của trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về QLBPTR. Sở NN&PTNT đã chủ động, tích cực tham mưu, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về QLBPTR theo nhiệm vụ; đảm bảo triển khai đầy đủ chế độ, chính sách QLBPTR đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp. Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về QLBPTR đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế với những quy định cụ thể, chặt chẽ, rõ ràng hơn, tạo hành lang pháp lý trong công tác quản lý nhà nước, phối hợp thực hiện giữa các cơ quan chức năng. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm công tác quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ QLBPTR luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

II. KHÓ KHĂN

Một số văn bản hướng dẫn chuyên ngành còn chưa kịp thời, đầy đủ ảnh hưởng đến công tác tham mưu, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án trồng rừng nói riêng và công tác QLBPTR nói chung. Nhu cầu vốn thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển rừng lớn, trong khi nguồn lực của tỉnh còn hạn chế, việc phân bổ nguồn vốn còn chậm, chính sách đầu tư hỗ trợ còn thấp; do vậy chưa thực sự hấp dẫn, khuyến khích được nhiều người dân tâm huyết với nghề rừng, tham gia công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng. Trình độ dân trí không đồng đều, nhận thức của một bộ phận Nhân dân có mặt hạn chế; đời sống của người dân còn khó khăn, kinh tế phụ thuộc vào sản xuất nông, lâm nghiệp là chính đã gây áp lực không nhỏ cho hoạt động QLBPTR. Hệ thống hạ tầng lâm sinh chưa phát triển; địa hình hiểm trở, chia cắt, phức tạp, độ dốc lớn, giao thông đi lại không thuận lợi; trang thiết bị phục vụ cho công tác QLBPTR còn thiếu ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ của lực lượng QLBPTR địa phương. Thời vụ trồng rừng ngắn, trùng với mùa vụ sản xuất nông nghiệp; thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng, hanh khô kéo dài, thường có băng tuyết vào mùa đông, sạt lở, lũ quét vào mùa mưa; diện tích rừng trồng chủ yếu nằm ở những địa bàn vùng sâu, vùng xa nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tác động đến tiến độ trồng rừng, quá trình sinh trưởng, phát triển rừng trồng, công tác giao khoán bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCC). Lực lượng Hạt kiểm lâm, Ban Quản lý rừng phòng hộ (QLRPH) các huyện mỏng chưa đáp ứng được theo yêu cầu nhiệm vụ, địa bàn rộng, phức tạp gây khó khăn và ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công tác QLBPTR. Năm 2020-2021, dịch bệnh Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp, kéo dài gây ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống của Nhân dân; các hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng có thời điểm bị ngưng trệ do thực hiện phong tỏa, cách ly theo quy định; người dân thiếu việc làm, cuộc sống gặp nhiều khó khăn; thiếu kinh phí để đầu tư chăm sóc rừng trồng...

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo về QLBPTR

Sở NN&PTNT đã tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, trong đó Tỉnh ủy ban hành 01 văn bản¹; HĐND tỉnh ban hành 05 văn bản²; UBND tỉnh ban hành 60 văn bản, trong đó 04 quy định các chính sách liên quan đến công tác trồng rừng³, 04 đề án phát triển cây trồng lâm nghiệp⁴, ngoài ra tham mưu ban hành các văn bản phê duyệt các dự án trồng rừng. Đồng thời, trực tiếp ban hành trên 100 văn bản để chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn liên quan đến công tác trồng rừng theo chức năng, nhiệm vụ của ngành. UBND các huyện, thành phố ban hành văn bản giao các phòng ban, chuyên môn tham mưu triển khai thực hiện, đồng thời chỉ đạo Ban QLRPH huyện phối hợp với UBND cấp xã xây dựng hồ sơ, thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổ chức thẩm định, phê duyệt để triển khai thực hiện. Nhìn chung, việc tham mưu, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh được Sở NN&PTNT và UBND các huyện, thành phố chủ động chỉ đạo thực hiện. Tuy nhiên, việc tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành và ban hành theo thẩm quyền một số văn bản của Sở NN&PTNT có tồn tại, hạn chế sau:

- Tham mưu UBND tỉnh:

+ Đối với Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 V/v phê duyệt giá và tiêu chuẩn giống, hạt giống lâm nghiệp phục vụ các chương trình trồng rừng tại tỉnh Lai Châu⁵ (viết tắt là *Quyết định 1718/QĐ-UBND*): Chưa quy định, chỉ dẫn áp dụng tiêu chuẩn giống cây trồng lâm nghiệp đối với từng loại cây để triển khai trong các chương trình, dự án trồng rừng trên địa bàn tỉnh (cây giống Quế theo Tiêu chuẩn ngành 04 TCN 23-2000 QUY PHẠM KỸ THUẬT TRỒNG QUẾ ban hành kèm theo Quyết định số 05/2000/QĐ-BNN/KHCN ngày 25/01/2000 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Bộ NN&PTNT*); cây giống Giỏi xanh theo Tiêu chuẩn ngành 04 TCN 130-2006 QUY PHẠM KỸ THUẬT TRỒNG GIỎI XANH ban hành kèm theo Quyết định số 4108/QĐ/BNN-KHCN ngày 29/12/2006 của Bộ NN&PTNT;...).

¹ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 02/3/2021 về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

² Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021; Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021; Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 thông qua Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025; Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021 và Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025.

³ Quyết định: 1718/QĐ-UBND, 29/2016/QĐ-UBND, 41/2019/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 V/v ban hành quy định một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh, 31/2021/QĐ-UBND.

⁴ Quyết định: 1203/QĐ-UBND, 1204/QĐ-UBND, 1655/QĐ-UBND, 422/QĐ-UBND.

⁵ Đã được bãi bỏ bởi Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh.

+ Đối với Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 V/v phê duyệt Đề án phát triển cây Sơn tra trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 (*viết tắt là Quyết định 1203/QĐ-UBND*): Định mức KTKT, dự toán có nội dung chưa đảm bảo theo Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ NN&PTNT V/v ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng (*viết tắt là Quyết định 38/2005/QĐ-BNN*).

+ Đối với Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 V/v phê duyệt Đề án phát triển cây Quế trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2030 (*viết tắt là Quyết định 1204/QĐ-UBND*): Quy định chỉ tiêu cây giống chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn ngành 04 TCN 23-2000 và quy định định mức KTKT, dự toán có nội dung chưa đảm bảo theo Quyết định 38/2005/QĐ-BNN.

+ Đối với Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 V/v phê duyệt Đề án khuyến khích phát triển cây Mắc ca tập trung trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2021 (*viết tắt là Quyết định 1655/QĐ-UBND*): Quy định một số chỉ tiêu cây giống chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11766:2017 ban hành kèm theo Quyết định số 600/QĐ-BKHCN ngày 28/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn Việt Nam; quy định định mức KTKT, dự toán có nội dung chưa đảm bảo theo Quyết định 38/2005/QĐ-BNN và Thông tư 23/2016/TT-BNNPTNT; quy trình hướng dẫn tạm thời về kỹ thuật trồng, chăm sóc có nội dung chưa đảm bảo theo Quyết định số 3087/QĐ-BNN-TCLN ngày 04/8/2015 của Bộ NN&PTNT.

+ Đối với Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 V/v phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030⁶ (*viết tắt là Quyết định 422/QĐ-UBND*): Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán có nội dung chưa đảm bảo quy định tại Điều 5 và khoản 2, 3, 4 Điều 6 Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.

+ Đối với Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 quy định định mức KTKT, tiêu chuẩn giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản áp dụng thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất, mô hình, dự án nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu⁷ (*viết tắt là Quyết định 31/2021/QĐ-UBND*): Một số chỉ tiêu giống cây quế chưa đảm bảo quy định Tiêu chuẩn ngành 04 TCN 23-2000; quy định định mức KTKT, dự toán các loại cây trồng lâm nghiệp có nội dung chưa đảm bảo theo quy định của Bộ NN&PTNT: Quyết định 38/2005/QĐ-BNN, Thông tư 15/2019/TT-BNNPTNT, Quyết định 3087/QĐ-BNN-TCNN, Quyết định 3697/QĐ-BNN-TCLN.

+ Các Quyết định: số 1255/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 V/v phê duyệt dự án trồng rừng phòng hộ huyện Tam Đường; số 1227/QĐ-UBND ngày

⁶ Đã hủy bỏ 11 phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 422/QĐ-UBND (từ phụ lục 06 đến phụ lục 16) tại Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh.

⁷ Đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND tỉnh.

25/10/2012 V/v phê duyệt dự án trồng rừng phòng hộ huyện Than Uyên; số 1259/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 V/v phê duyệt dự án trồng rừng phòng hộ huyện Sìn Hồ: Có nội dung chưa đảm bảo quy định tại Điều 5, Điều 8 Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định 73/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- *Sở NN&PTNT trực tiếp ban hành*: Hướng dẫn số 1490/HD-SNN ngày 29/7/2021 về “tiêu chuẩn chất lượng giống do UBND tỉnh ban hành” (Quyết định 1718/QĐ-UBND); Hướng dẫn số 2088/HD-SNN ngày 15/10/2021 quy định “tiêu chuẩn chất lượng giống áp dụng theo Quyết định 31/2021/QĐ-UBND” trong khi Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND quy định tiêu chuẩn chất lượng giống, định mức KTKT trồng cây Quế chưa đảm bảo theo quy định.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL)

Sở NN&PTNT đã ban hành kế hoạch tuyên truyền, PBGDPL nói chung theo từng năm, chủ động tham mưu, ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác tuyên truyền, PBGDPL về QLBVPTR và PCCCR bằng nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với tình hình thực tế. Trong thời kỳ thanh tra, đã tổ chức tuyên truyền, PBGDPL tới 7.897 lượt thôn, bản với 383.192 lượt người tham gia; tuyên truyền tới 199 lượt trường học với 67.228 giáo viên và học sinh tham gia; ký cam kết bảo vệ rừng và PCCCR giữa UBND cấp xã với 7.013 lượt thôn bản và 261.966 hộ gia đình, tổ chức tuyên truyền lưu động 570 lượt. Quỹ BV&PTR phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, VOV Tây Bắc, Báo Lai Châu viết tin, bài, phóng sự tuyên truyền về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với công tác bảo vệ và phát triển rừng (BVPTR) trên địa bàn.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỪNG

1. Công tác tham mưu, tổ chức thực hiện quy hoạch

1.1. Tham mưu thực hiện lập, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng

Sở NN&PTNT đã tham mưu trình UBND tỉnh⁸ ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 V/v phê duyệt Quy hoạch BVPTR tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011-2020, với tổng diện tích đất lâm nghiệp là 680.299,8 ha (rừng đặc dụng 41.275 ha; rừng phòng hộ 360.893,3 ha; rừng sản xuất 278.131,5 ha) theo quy định Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 V/v phê duyệt chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020, số 57/QĐ-TTg ngày 09/11/2012 V/v phê duyệt kế hoạch BVPTR giai đoạn 2011-2020.

1.2. Tổ chức thực hiện sau khi quy hoạch được phê duyệt

⁸ Tờ trình số 315/TTr-SNN ngày 06/8/2012.

Trên cơ sở Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu giai đoạn năm 2011-2020, từ tỉnh đến cơ sở đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện. Hằng năm, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phát triển KT-XH trong đó, có chỉ tiêu về tỷ lệ che phủ rừng; chỉ đạo rà soát, kiểm kê, theo dõi biến động đất lâm nghiệp; tổ chức tuyên truyền, PBGDPL về BVPTTR; triển khai thực hiện Quy chế phối hợp giữa các lực lượng trong QLBVPTTR. Tuy nhiên, Sở NN&PTNT chưa kịp thời tham mưu điều chỉnh quy hoạch BVPTTR để phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối năm 2016-2020 và Điều 13, 19 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; UBND các huyện, thành phố không xây dựng quy hoạch BVPTTR; một số huyện, thành phố⁹ không xây dựng kế hoạch BVPTTR theo quy định khoản 3 Điều 17 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

2. Công tác giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng

- *Công tác giao rừng, cho thuê rừng*: Đến năm 2020, UBND các huyện Tam Đường, Nậm Nhùn, Phong Thổ tổ chức thực hiện giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 2.882,09 ha rừng sản xuất, trong đó diện tích đất có rừng là 2.875,88 ha¹⁰, diện tích đất chưa có rừng 6,21 ha¹¹ cho 12 cộng đồng thôn, bản theo dự án quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO₂ (Kfw8) quy định tại Điều 23 Luật Lâm nghiệp năm 2017. Ngoài ra, UBND các huyện, thành phố chưa xây dựng kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng theo quy định khoản 1, Điều 35, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (*viết tắt là Nghị định 156/2018/NĐ-CP*).

- *Công tác chuyển mục đích sử dụng rừng*: Giai đoạn 2019-2021¹² có 02 dự án đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng rừng với diện tích là 63,76 ha (rừng tự nhiên phòng hộ 60,3 ha; rừng tự nhiên sản xuất 3,46 ha), trong đó: 01 dự án đã được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng với diện tích 15,32 ha¹³; đang trình Bộ NN&PTNT thẩm định 01 dự án với diện tích 48,48 ha (Công trình thủy điện Nậm Cùm 4 khu vực hồ chứa).

⁹ UBND huyện: Sin Hồ, Tam Đường, Mường Tè, thành phố Lai Châu.

¹⁰ Huyện: Tam Đường 979,87 ha; Nậm Nhùn 1.106,25 ha; Phong Thổ 789,76 ha,

¹¹ Huyện: Tam Đường 0,95 ha; Nậm Nhùn 1,62 ha; Phong Thổ 3,64 ha,

¹² Giai đoạn 2015-2018, không kiểm tra do Tổng cục Lâm nghiệp đã thanh tra.

¹³ Chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng: Công văn số 1962/TTg-NN ngày 21/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ V/v chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên thực hiện các dự án thủy lợi vốn trái phiếu Chính phủ, Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2020 trên địa bàn tỉnh; Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng: Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh V/v giao đất cho Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT tỉnh Lai Châu thực hiện dự án: Hồ chứa nước Xà Dề Phìn tại xã Xà Dề Phìn, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu.

- *Công tác thu hồi rừng*: Không có.

3. Công tác xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững

Giai đoạn 2015-2019, Sở NN&PTNT, UBND các huyện chưa hướng dẫn, đôn đốc các chủ rừng lập phương án quản lý rừng bền vững trên diện tích rừng, đất lâm nghiệp theo quy định khoản 1 Điều 4 và khoản 3 Điều 16 Thông tư 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn về phương án quản lý rừng bền vững. Năm 2020, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở NN&PTNT¹⁴, UBND và Ban QLRRPH các huyện đã xây dựng phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

4. Công tác đóng, mở cửa rừng tự nhiên

Sở NN&PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1628/KH-UBND ngày 30/8/2017 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 18/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; đồng thời, chỉ đạo UBND các huyện, thành phố thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên, dừng việc cấp phép khai thác gỗ tận thu theo thẩm quyền.

5. Công tác kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng

- *Công tác kiểm kê rừng*: Thực hiện Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 15/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án “tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016”, UBND tỉnh đã ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo, tổ chức thực hiện điều tra, kiểm kê rừng¹⁵, kết quả: Tổng diện tích có rừng và diện tích rừng trồng chưa thành rừng là 416.387,64 ha, trong đó: Diện tích có rừng 412.012,25 ha (rừng tự nhiên 403.962,81 ha; rừng trồng 8.049,44 ha; rừng ngoài quy hoạch 2.906,7 ha); diện tích rừng trồng chưa thành rừng 4.375,39 ha; tỷ lệ che phủ rừng là 46,4% (bao gồm cả diện tích cây cao su).

- *Công tác theo dõi diễn biến rừng*: Sở NN&PTNT đã ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các huyện, thành phố kiểm tra, rà soát cập nhật báo cáo và công bố diễn biến rừng hàng năm. Qua kiểm tra, việc công bố diễn biến rừng cấp huyện năm 2018, 2019 còn chậm¹⁶; Chi cục Kiểm lâm không tham mưu UBND tỉnh công bố hiện trạng rừng năm 2016; Sở NN&PTNT tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định công bố hiện trạng rừng năm 2019 còn chậm.

III. CÔNG TÁC BẢO VỆ RỪNG (BVR)

1. Công tác bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng

¹⁴ Công văn: số 1409/UBND-KTN ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh V/v xây dựng phương án quản lý rừng bền vững; số 1505/SNN-KL ngày 29/7/2020 của Sở NN&PTNT V/v đôn đốc thực hiện quy định về xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững

¹⁵ Quyết định: số 1674/QĐ-UBND ngày 18/12/2013, số 980/QĐ-UBND ngày 08/9/2015, số 347/QĐ-UBND ngày 29/3/2016.

¹⁶ Năm 2018 các huyện Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tam Đường, Tân Uyên, Thuận Uyên và Thành phố; năm 2019 các huyện Mường Tè, Sìn Hồ, Tân Uyên và Thành phố.

Sở NN&PTNT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành¹⁷, trực tiếp ban hành¹⁸ các văn bản chỉ đạo các ngành, UBND các huyện, thành phố, triển khai thực hiện công tác QLBPTR và thành lập Ban chỉ đạo để tổ chức triển khai thực hiện¹⁹ đảm bảo theo quy định Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn, thi hành.

2. Công tác phòng cháy và chữa cháy rừng

- *Việc lập phương án PCCCR*: Sở NN&PTNT đã tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo PCCCR cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt phương án PCCCR tỉnh Lai Châu giai đoạn 2013-2015 và các văn bản tăng cường công tác BVR, PCCCR²⁰. Bên cạnh đó, Chi cục Kiểm lâm tỉnh ban hành các văn bản theo thẩm quyền triển khai thực hiện công tác BVR, PCCCR và phân vùng trọng điểm cháy để triển khai thực hiện. Trên cơ sở phương án PCCCR đã được phê duyệt, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, Ban QLTPH và các chủ rừng trên địa bàn ban hành, triển khai thực hiện phương án PCCCR đảm bảo theo quy định.

- *Việc kiểm tra công tác PCCCR*: Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững các cấp đã ban hành các kế hoạch kiểm tra công tác BVR, PCCCR và kế hoạch kiểm tra công tác PCCCR mùa khô để triển khai thực hiện²¹, cụ thể: Cấp tỉnh: Ban chỉ đạo PCCCR cấp tỉnh đã tiến hành kiểm tra công tác bảo vệ rừng, PCCCR 31 lượt đối với Ban chỉ đạo PCCCR cấp huyện, 42 lượt đối với Ban Chỉ huy PCCCR cấp xã; Chi cục Kiểm lâm tiến hành kiểm tra 12 lượt đối với Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố, 05 lượt đối với Ban QLTPH các huyện, UBND cấp xã 11 lượt và Công ty Cao Su 02 lượt. Cấp huyện: Ban chỉ đạo PCCCR các huyện, thành phố ban hành các Kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ rừng và PCCCR, thành lập 116 tổ kiểm tra liên ngành tiến hành kiểm tra 658 lượt đối với các chủ rừng (Ban QLTPH, Công ty cổ phần cao su Dầu tiếng Lai Châu, UBND các xã, phường, thị trấn và các doanh nghiệp trồng rừng trên địa bàn). Qua kiểm tra, đã kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và kiến nghị các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác BVR, PCCCR. Tuy

¹⁷ Công văn số 2221/UBND-NLN ngày 11/9/2016 V/v tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR; Chi thị: số 17/CT-UBND ngày 28/11/2017 V/v tăng cường các biện pháp trong công tác quản lý bảo vệ rừng và PCCCR; số 12/CT-UBND ngày 27/11/2018 V/v tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR mùa khô năm 2018 - 2019; số 17/CT-UBND ngày 11/4/2019 V/v tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR mùa khô năm 2019 - 2020; số 12/CT-UBND ngày 20/10/2020 về Chi thị V/v tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR, mùa khô năm 2020 - 2021; Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 V/v phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

¹⁸ Công văn: số 260/CCKL-PC ngày 31/12/2014; số 253/CCKL-PC ngày 31/12/2015; số 440/CCKL-QLBVR ngày 25/9/2017; số 449/CCKL-PC ngày 28/11/2018; số 98/CCKL-QLBVR ngày 20/3/2019; số 13/CCKL-PC ngày 13/01/2020; số 553/CCKL-QLBVR ngày 10/08/2021

¹⁹ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 V/v thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.

²⁰ Quyết định: số 1348/QĐ-UBND ngày 31/10/2013, số 02/QĐ-BCĐ ngày 26/01/2018; Công văn số 174/CCKL-QLBVR ngày 30/9/2015.

²¹ Kiểm tra công tác PCCCR năm 2015 (số 58/KHKT-BCĐ ngày 3/2/2015); Kiểm tra công tác PCCCR năm 2016 (số 55a/CCKL-KH ngày 3/8/2016); Quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra công tác PCCCR tỉnh Lai Châu 2017 (số 01/QĐ-BCĐ ngày 15/2/2017); Quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra công tác PCCCR tỉnh Lai Châu 2018 (số 03/QĐ-BCĐ ngày 3/12/2018); Quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra công tác PCCCR tỉnh Lai Châu 2019 (số 01/QĐ-BCĐ ngày 3/6/2019); Quyết định phê duyệt kế hoạch kiểm tra công tác PCCCR tỉnh Lai Châu 2020 (số 03/QĐ-BCĐ ngày 16/3/2020); Kế hoạch kiểm tra công tác PCCCR tỉnh Lai Châu 2021 (số 715/KH-UBND ngày 24/3/2021).

nhiên, công tác quản lý, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm còn chưa kịp thời nên tình trạng vi phạm pháp luật về PCCCR còn xảy ra ở một số địa phương trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2015-2021 đã xảy ra 61 vụ vi phạm về PCCCR với diện tích cháy là 282,45 ha; diện rừng bị thiệt hại là 250,82 ha (rừng tự nhiên 57,29 ha, rừng trồng 29,49 ha, rừng trồng chưa thành rừng 132,74 ha, vườn cây cao su 29,92 ha, khoanh nuôi Ic 1,38ha).

3. Việc xây dựng lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng

Chi cục Kiểm lâm là đơn vị trực tiếp tham mưu Sở NN&PTNT chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ BVR trên địa bàn toàn tỉnh với biên chế có mặt đến hết năm 2022 là 193 người (gồm 187 công chức và 06 lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ). Bên cạnh lực lượng kiểm lâm chuyên trách có 02/07 Ban QLRPH thành lập Tổ lực lượng chuyên trách BVR với 32 thành viên²², ngoài ra các thôn bản đã thành lập 869 tổ BVR với 59.028 thành viên. Tổ BVR được thành lập thực hiện tốt công tác tuần tra, kiểm tra, đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản; tổ chức thực hiện phương án PCCCR; kịp thời cung cấp thông tin các hành vi vi phạm đến cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Công tác kiểm tra nguồn gốc lâm sản

Các cơ quan chức năng đã ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; quản lý động vật hoang dã trên địa bàn. Tổ chức tuần tra, kiểm tra và phát hiện, xử lý 660 vụ vi phạm (658 vụ vi phạm hành chính, 02 vụ xử lý hình sự) trong lĩnh vực lâm nghiệp; số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 3.586.105.000 (đã chấp hành nộp phạt 3.061.000.000 đồng, chưa chấp hành nộp phạt 525.150.000 đồng); tiến hành thu giữ 334,905 m³ gỗ các loại; 111.832,2 kg lâm sản; 22 xe máy; 08 cưa máy; 19 chiếc giường Po Mu; 2.172 cá thể các loại; 224 cây hoa ban; Các vụ việc vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời theo đúng quy định của pháp luật²³. Tuy nhiên, việc xử lý tang vật vi phạm sau tịch thu đối với 268/536 vụ việc còn chậm theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và còn để xảy ra một số vụ việc phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản trái phép; việc thành lập hội đồng thẩm định giá trị tang vật đối với một số vụ việc còn chưa đảm bảo quy định, chưa xử lý dứt điểm số tiền xử phạt vi phạm hành chính 525,150 triệu đồng.

²² Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tam Đường 01 tổ với 19 thành viên; Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tân Uyên 01 tổ với 13 thành viên

²³ Đoàn thanh tra không tiến hành kiểm tra hồ sơ từ năm 2017-30/6/2020 đối với huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sin Hồ, Chi cục Kiểm lâm (đội cơ động và PCCCR); năm 2019 đến năm 2021 đối với huyện Tam Đường và năm 2020-2021 đối với Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị trực thuộc do đã được Đoàn kiểm tra liên ngành, Thanh tra tỉnh thực hiện kiểm tra, thanh tra và đã ban hành kết luận kiểm tra số 34/KL-ĐKTrLN ngày 03/12/2020; Kết luận thanh tra số 708/KL-TTr ngày 23/08/2021 của Thanh tra tỉnh; Kết luận thanh tra số 798/KL-TTr ngày 25/10/2022 của Thanh tra tỉnh.

Năm 2020-2021, Đoàn Thanh tra không thực hiện thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật và nhiệm vụ quyền hạn; việc quản lý, sử dụng ngân sách tại Chi cục Kiểm lâm Lai Châu và các đơn vị trực thuộc giai đoạn 2020-2021 (Kết luận thanh tra số 798/KL-TTr ngày 25/10/2022 của Thanh tra tỉnh).

IV. CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN RỪNG

1. Công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp

Giai đoạn 2015-2021, Sở NN&PTNT đã công nhận 206 nguồn giống; Chi cục Kiểm lâm chứng nhận nguồn gốc lô giống cho 04 lô giống cây trồng lâm nghiệp. Về cơ bản, việc công nhận nguồn giống, chứng nhận nguồn gốc lô giống và lô cây con đảm bảo theo quy định, tuy nhiên có tồn tại, hạn chế sau:

- *Việc công nhận nguồn giống*: Sở NN&PTNT chưa kiện toàn Hội đồng thẩm định nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (việc thành lập được thực hiện theo Quyết định số 127/QĐ-SNN ngày 14/6/2007 của Giám đốc Sở NN&PTNT); Hội đồng thẩm định chưa thực hiện thẩm định nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định; Chi cục Kiểm lâm cử công chức trực tiếp thẩm định nguồn giống đối với các đơn vị đề nghị công nhận nguồn giống²⁴ giai đoạn 2015-2018 không đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp (*viết tắt là Quyết định 89/2005/QĐ-BNN*) được sửa đổi bởi khoản 4, Điều 6 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bãi bỏ quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010. Chi cục Kiểm lâm lập biên bản kiểm tra nguồn gốc lô giống lâm nghiệp và nguồn gốc giống lô cây con có nội dung chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 35 và khoản 2 Điều 38 Quyết định 89/2005/QĐ-BNN.

- *Kiểm tra việc cung ứng giống cây trồng lâm nghiệp*: Tại các biên bản kiểm tra của Chi cục Kiểm lâm lập kiểm tra việc giao nhận cây giống giữa chủ đầu tư với các đơn vị cung ứng cây giống ghi nội dung “chưa xác định về tuổi cây, thiếu giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con, hóa đơn tài chính, phiếu xuất kho, hợp đồng mua bán cây giống” nhưng vẫn xác nhận cây đủ tiêu chuẩn để trồng rừng.

2. Công tác khoanh nuôi tái sinh

Giai đoạn 2015-2021, kế hoạch giao thực hiện khoanh nuôi tái sinh là 177.075 ha; diện tích thực hiện 41.568,66 ha, đạt 23,48% so với kế hoạch, kinh phí đã giải ngân là 17.542,06 triệu đồng. Qua kiểm tra 14 dự án/5 huyện, thành phố (thành phố Lai Châu 04 dự án năm 2017, 2019, 2020, 2021; Mường Tè 01 dự án năm 2020; Sìn Hồ 03 dự án năm 2017, 2020, 2021; Phong Thổ 01 dự án năm 2018; Tam Đường 02 dự án năm 2017, 2021) cho thấy QLRPH các huyện, Hạt Kiểm lâm thành phố đã ký kết hợp đồng 32.143,38/41.462,0 ha, nghiệm thu 30.211,19 ha đạt 73% so với kế hoạch giao; tổng dự toán giao 26.968,0 triệu

²⁴ Loại hình nguồn giống cây đầu dòng: Mắc ca (năm 2017, 2018), cây trội: Giỏ ăn hạt (năm 2018), rừng giống chuyển hóa: cây Vôi thuốc (năm 2016), lâm phần tuyển chọn: Tổng quá sù (năm 2016)

đồng; kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán 15.018,40 triệu đồng; số chưa sử dụng 11.949,60 triệu đồng (hủy dự toán 11.360,10 triệu đồng; chuyển nguồn 589,50 triệu đồng). Về cơ bản, thực hiện giao khoán, thanh quyết toán đảm bảo theo quy định; tuy nhiên có tồn tại, hạn chế sau:

- *Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh*: Năm 2017, Hạt Kiểm lâm thành phố Lai Châu, Ban QLRPH Nậm Na huyện Sìn Hồ, Ban QLRPH huyện Tam Đường không lập, thẩm định, trình phê duyệt nội dung “Mức độ tác động cao” theo quy định điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTN ngày 30/6/2016 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh (*viết tắt là Thông tư 23/2016/TT-BNNPTN*). Giai đoạn 2019-2021, Hạt Kiểm lâm thành phố Lai Châu, Ban QLRPH các huyện: Sìn Hồ, Mường Tè, Tam Đường không lập, thẩm định, trình, phê duyệt biện pháp phát dọn dây leo, cây bụi và chặt bỏ cây cong queo, sâu bệnh, cây phi mục đích; sửa gốc chồi và tia bớt chồi xấu, để lại mỗi gốc không quá 02 chồi và thực hiện vệ sinh rừng theo quy định điểm a, b, c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh.

- *Trình tự, thủ tục, hồ sơ khoán*: Hồ sơ nhận khoán tại Ban QLRPH các huyện: Phong Thổ, Sìn Hồ thiếu đơn đề nghị nhận khoán của cộng đồng dân cư, danh sách các hộ nhận khoán, biên bản họp bản (đối với cộng đồng dân cư) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước; không có biên bản bàn giao ngoài thực địa, trích lục bản đồ theo hướng dẫn tại Công văn số 4545/BNN-TCLN ngày 23/12/2013 của Bộ NN&PTNT về việc khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên (*viết tắt là Công văn 4545/BNN-TCLN*).

- *Nghiệm thu công trình lâm sinh*: Các đơn vị không thực hiện nghiệm thu đối với chỉ tiêu: Phát luống dây leo, cây bụi, sửa gốc tái sinh chồi, cuốc rạch, ... và rừng bị tác động phá hoại theo quy định khoản 3 Điều 13 Thông tư 23/2016/TT-BNNPTN (Mục 5 Phụ lục III). Ban QLRPH huyện Tam Đường khoán, nghiệm thu, thanh toán cho Tổ dân quân cơ động xã Sơn Bình diện tích 100 ha với số tiền 50 triệu đồng không đúng đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020.

3. Công tác kiểm tra, đánh giá rừng trồng thành rừng

Theo Báo cáo số 448/BC-SNN ngày 10/3/2023 của Sở NN&PTNT diện tích thực hiện trồng rừng giai đoạn 2015-2017 là 7.969,38 ha²⁵; diện tích đã tiến hành kiểm tra đánh giá khi hết giai đoạn đầu tư là 7.903,67 ha, diện tích chưa kiểm tra đánh giá là 65,71 ha²⁶, kết quả: Diện tích đã thành rừng và có khả năng phát triển thành rừng là 4.701,79 ha²⁷, đạt 59,5% so với diện tích rừng trồng đã kiểm tra, đánh giá. Diện tích không có khả năng phát triển thành rừng là 3.201,88 ha²⁸ chiếm 40,5% so với diện tích rừng trồng đã kiểm tra, đánh giá.

4. Công tác đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng

Trên địa bàn tỉnh đã thành lập và duy trì 5 chốt gác kiên cố và 40 chốt gác tạm thời tại cửa rừng thuộc các xã tiếp giáp với tỉnh Lào Cai; xây dựng, duy tu, bảo dưỡng 240,35 km đường băng trắng cản lửa và triển khai các công đoạn chuẩn bị đầu tư 36,7 km đường lâm nghiệp tại các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Phong Thổ, Sin Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè phục vụ phát triển hạ tầng vùng trồng cây Quế.

5. Công tác trồng rừng

Giai đoạn từ 2015-2021, kế hoạch chỉ tiêu giao trồng rừng là 13.156,12 ha; các đơn vị (chủ đầu tư) đã thực hiện trồng 14.599,52 ha, đạt 110,97% so với kế hoạch giao; diện tích nghiệm thu, thanh toán 13.460,79/14.599,52 ha đạt 92,2% so với diện tích thực trồng (diện tích không được thanh toán 1.098,73 ha do tỷ lệ cây sống dưới 50%); kinh phí đã giải ngân trong giai đoạn là 216.169,74 triệu đồng.

5.1. Dự án trồng rừng phòng hộ

Tổng số dự án trồng rừng phòng hộ giai đoạn 2015-2018 là 05 dự án/04 huyện: Sin Hồ 02 dự án, Phong Thổ, Tam Đường, Than Uyên mỗi huyện 01 dự án. Tổng diện tích giao 250,0 ha, đã thực hiện trồng 249,09 ha, đạt 99,64% so với kế hoạch giao; diện tích nghiệm thu thanh toán là 247,78 ha, đạt 99,11% so với kế hoạch giao. Đoàn thanh tra, kiểm tra 04 dự án/03 huyện: Tam Đường, Sin Hồ, Than Uyên²⁹. Qua kiểm tra hồ sơ, trình tự thực hiện dự án trồng rừng phòng hộ cơ bản đảm bảo theo quy định, tuy nhiên có tồn tại, hạn chế sau:

- Về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự án: Ban QLRPH Nậm Mạ huyện Sin Hồ chưa ban hành quyết định điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án khi có thay đổi các lô, khoảnh trồng rừng; Ban QLRPH Nậm Na huyện Sin Hồ ban hành quyết định điều chỉnh diện tích, TKKT, dự toán còn chậm theo TKKT trồng,

²⁵Huyện: Mường Tè 521,52 ha; Nậm Nhùn 529,94 ha; Phong Thổ 304,21 ha; Sin Hồ 1.855,38 ha; Tam Đường 387,36 ha; Tân Uyên 2.069,59 ha; Than Uyên 1.154,03 ha; thành phố Lai Châu 137,89 ha; Công ty CP Cao su Lai Châu 259,06 ha; Công ty CP Cao su Lai Châu 2 là 750,4 ha.

²⁶20,22 ha tại huyện Tam Đường do chủ đầu tư đã thu hồi lại tiền đầu tư, hỗ trợ; 45,49 ha tại huyện Sin Hồ do chủ đầu tư không cung cấp được bản đồ nghiệm thu trồng rừng, không có cơ sở để kiểm tra, đánh giá.

²⁷ Huyện: Mường Tè 330,58 ha; Nậm Nhùn 370,55 ha; Phong Thổ 175,14 ha; Sin Hồ 932,80 ha; Tam Đường 229,75 ha; Tân Uyên 1.273,12 ha; Than Uyên 673,19 ha; thành phố Lai Châu 119,66 ha; Công ty CP Cao su Lai Châu 4,01 ha; Công ty CP Cao su Lai Châu 2 là 592,99 ha

²⁸ Huyện: Mường Tè 189,84 ha; Nậm Nhùn 159,39 ha; Phong Thổ 128,22 ha; Sin Hồ 872,59 ha; Tam Đường 134,18 ha; Tân Uyên 793,53 ha; Than Uyên 479,80 ha; thành phố Lai Châu 18,23 ha; Công ty CP Cao su Lai Châu 255,05 ha; Công ty CP Cao su Lai Châu 2 là 157,41 ha

²⁹ Không kiểm tra 01 dự án tại huyện Phong Thổ do đơn vị báo cáo hồ sơ dự án bị cháy

chăm sóc; hồ sơ TKKT, dự toán chưa phê duyệt quy trình kỹ thuật trồng rừng và chăm sóc rừng trồng (huyện Than Uyên).

- *Về hồ sơ mua bán cây giống*: Hồ sơ mua bán cây giống của Ban QLRPH các huyện Tam Đường, Sìn Hồ, Than Uyên chưa đầy đủ thủ tục theo quy định khoản 1, 3 Điều 39 và khoản 2 Điều 40 Quyết định 89/2005/QĐ-BNN (huyện Than Uyên, Sìn Hồ không có quyết định công nhận nguồn giống, hồ sơ mua bán vật liệu giống; huyện Tam Đường, Sìn Hồ chưa có Giấy chứng nhận nguồn gốc giống lô cây con).

- *Về nghiệm thu trồng rừng*: Hồ sơ tại Ban QLRPH huyện Sìn Hồ thiếu biên bản nghiệm thu phát dọn thực bì, đào hố cuốc đất (bước 1), thiếu biên bản nghiệm thu chăm sóc năm trồng, thiếu biểu tổng hợp nghiệm thu chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất theo quy định tại điểm a khoản 1, 2 và điểm a khoản 5 Điều 1 Quyết định số 59/2007/QĐ-BNN ngày 19/6/2007 của Bộ NN&PTNT sửa đổi Quy định nghiệm thu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, chăm sóc rừng trồng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên kèm theo Quyết định 06/2005/QĐ-BNN.

5.2. Dự án trồng rừng thay thế

Tổng số dự án thực hiện trồng rừng thay thế diện tích rừng đã chuyển mục đích trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2021 là 32 dự án/08 huyện, thành phố³⁰. Kế hoạch giao 4.208,0 ha, diện tích thực hiện trồng 6.397,28 ha, đạt 152,03% so với kế hoạch giao; diện tích nghiệm thu là 5.803,84 ha, đạt 137,92% so với kế hoạch giao (90,72% so với diện tích thực hiện). Qua kiểm tra hồ sơ 01 dự án năm 2021 tại huyện Phong Thổ với diện tích 50 ha; kinh phí được giao 1.922,58 triệu đồng, kinh phí đã thực hiện 854,68 triệu đồng, số kinh phí chuyển nguồn 1.067,908 triệu đồng³¹. Về cơ bản, hồ sơ, trình tự thực hiện đảm bảo theo quy định, tuy nhiên có tồn tại, hạn chế sau:

Hồ sơ mua bán cây giống chưa đầy đủ thủ tục theo quy định tại khoản 1, Điều 15 Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ NN&PTNT quy định về Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính (*viết tắt là Thông tư 30/2018/TT-BNNPTNT*).

5.3. Đề án phát triển cây Quế

Tổng số dự án thực hiện là 21 dự án/05 huyện³² với diện tích giao 6.270 ha, diện tích thực hiện trồng 5.447,43 ha, đạt 86,88% so với kế hoạch giao; tổng diện tích nghiệm thu là 5.205,25 ha, đạt 83,02% so với kế hoạch giao. Qua kiểm tra 13 dự án/04 huyện³³ với tổng diện tích giao 3.370,0 ha; diện tích thực hiện 2.742,46

³⁰ Huyện: Mường Tè 05 dự án; Nậm Nhùn 03 dự án; Sìn Hồ 04 dự án; Phong Thổ 04 dự án; Tam Đường 03 dự án; Tân Uyên 04 dự án; Than Uyên 03 dự án; thành phố Lai Châu 03 dự án; Công ty cổ phần cao su Lai Châu 01 dự án; Công ty cổ phần cao su Lai Châu II 02 dự án.

³¹ Không kiểm tra 31 dự án do đã được các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra

³² Huyện: Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Tân Uyên, Than Uyên; trong đó: năm 2017 là 07 dự án, năm 2018 là 07 dự án, năm 2019 là 04 dự án, năm 2020 là 03 dự án

³³ Huyện: Mường Tè 02 dự án năm 2017, 01 dự án năm 2020; Nậm Nhùn 03 dự án năm 2017, 2018, 2019; Sìn Hồ 02 dự án năm 2017, 02 dự án năm 2018, 01 dự án năm 2019; Than Uyên 02 dự án năm 2017, 2018

ha, đạt 81,38 % so với kế hoạch giao; diện tích nghiệm thu, thanh toán 2.552,87 ha, đạt 75,75% so với kế hoạch giao; dự toán giao 59.834,27 triệu đồng (từ nguồn cân đối NSDP và bổ sung có mục tiêu); kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán 39.210,33 triệu đồng; kinh phí chưa sử dụng 20.623,94 triệu đồng (hủy dự toán 19.237,69 triệu đồng; chuyển nguồn 1.386,25 triệu đồng)³⁴. Về cơ bản, hồ sơ, trình tự thực hiện đảm bảo theo quy định, tuy nhiên có tồn tại, hạn chế sau:

- *Về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán*: Chưa quy định và hướng dẫn nội dung bón lót (huyện: Mùong Tè 01 dự án, Nậm Nhùn 03 dự án); chưa phê duyệt thuyết minh thiết kế, biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng trồng (huyện Nậm Nhùn 01 dự án); quy định về số lá cây đủ điều kiện đem trồng chưa đảm bảo theo quy định (huyện Mùong Tè 01 dự án).

- *Về mua bán cây giống*: Hồ sơ mua bán cây giống của Ban QLRPH các huyện chưa đầy đủ thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều 37, khoản 2 Điều 40 Quyết định 89/2005/QĐ-BNN và Điều 15 Thông tư 30/2018/TT-BNN: Chưa có giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con; chưa có phiếu xuất kho; chưa có bảng kê vật liệu giống; chưa có sổ nhật ký ghi chép các công đoạn sản xuất giống; hóa đơn tài chính chưa ghi mã số nguồn giống và hồ sơ của đơn vị cung ứng cây giống (chưa có phiếu xuất kho hoặc có nhưng chưa ghi mã số nguồn giống, hóa đơn tài chính chưa ghi mã số nguồn giống; chưa có bảng kê vật liệu giống đối với lô cây giống; chưa có chứng chỉ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp đối với giống đã có mã; tuổi cây giống chưa đảm bảo theo quy định).

- *Về triển khai trồng rừng*: Chưa quy định nội dung xử lý thực bì, làm đất theo hồ sơ TKKT, dự toán đã được phê duyệt làm căn cứ để bên B thực hiện và không có hồ sơ, tài liệu thể hiện việc cán bộ kỹ thuật bên A hướng dẫn bên B ngoài thực địa (Ban QLRPH Nậm Nhùn năm 2018); ký kết hợp đồng trồng rừng (ngày 29/5/2018) trước khi phê duyệt hồ sơ TKKT, dự toán (Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND huyện Than Uyên); hợp đồng trồng rừng còn chậm thời gian theo biện pháp kỹ thuật của hồ sơ TKKT, dự toán đã phê duyệt (Ban QLRPH phía bắc huyện Mùong Tè năm 2017; huyện Nậm Nhùn năm 2019); việc thiết lập quyền của bên B “được hưởng toàn bộ sản phẩm từ rừng trồng khi khai thác” chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 5, Điều 29 Nghị định 156/2018/NĐ-CP (huyện Nậm Nhùn năm 2019).

- *Về nghiệm thu trồng rừng*: Thiếu biên bản nghiệm thu bước 1 theo hồ sơ TKKT, dự toán đã phê duyệt và Điều 14 Thông tư 23/2016/TT-BNNPTNT (Ban QLRPH huyện Mùong Tè); thời gian nghiệm thu bước 1 trước thời gian phê duyệt hồ sơ TKKT, dự toán (huyện Nậm Nhùn 01 dự án); chưa thành lập Hội đồng nghiệm thu theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 23/2016/TT-BNNPTNT (huyện: Sìn Hồ 03 dự án, Tam Đường 02 dự án, Mùong Tè 02 dự án); chưa có báo cáo kết quả thực hiện công trình lâm sinh theo quy định tại điểm

³⁴ Không kiểm tra 08 dự án do đã được các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra

a, d khoản 2 Điều 9 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT (huyện: Mường Tè 02 dự án, Nậm Nhùn 01 dự án, Sìn Hồ 05 dự án, Than Uyên 02 dự án); nghiệm thu bước 2 chưa đề xuất biện pháp xử lý đối với diện tích có tỷ lệ cây sống từ 50% đến <85% theo quy định tại Phụ lục III Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT và Phụ lục II Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTN (huyện: Mường Tè 01 dự án, Nậm Nhùn 02 dự án, Sìn Hồ 03 dự án, Than Uyên 02 dự án). 13/13 dự án chưa tổ chức đánh giá, nghiệm thu chăm sóc rừng trồng năm thứ 2, 3, 4 theo hồ sơ dự án đã phê duyệt và hợp đồng trồng rừng đã ký kết (huyện: Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Than Uyên).

- *Về sử dụng chi phí quản lý dự án*: Ban QLRPH huyện Sìn Hồ chi sai nhiệm vụ, vượt dự toán đã phê duyệt với số tiền 55,30 triệu đồng (chi mua văn phòng phẩm vượt dự toán và chi tiền làm thêm giờ trực tết từ nguồn chi phí quản lý).

- *Về điều kiện hỗ trợ, thực hiện giải pháp về đất đai*: Năm 2018, Ban QLRPH Nậm Na huyện Sìn Hồ không hướng dẫn, yêu cầu các hộ đăng ký và cam kết trồng rừng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021 (viết tắt là *Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND*) và Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021 (viết tắt là *Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND*); thẩm định, thiết kế thực hiện đề án chưa đầy đủ thủ tục đối với yêu cầu giải pháp về đất đai theo quy định đầu tư quản lý công trình lâm sinh.

5.4. Đề án phát triển cây Sơn tra

Tổng số dự án thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 là 17 dự án/06 huyện, thành phố (năm 2017 là 06 dự án, năm 2018 là 05 dự án, năm 2019 là 04 dự án, năm 2020 là 02 dự án)³⁵ với tổng diện tích giao 1.004,0 ha; diện tích thực hiện 870,93 ha đạt 86,75% so với kế hoạch giao; diện tích nghiệm thu là 753,08 ha, đạt 75,01% so với kế hoạch giao. Qua kiểm tra 12 dự án/05 huyện³⁶ với tổng diện tích giao 803 ha; diện tích thực hiện trồng 714,03 ha, đạt 88,92% so với kế hoạch giao; tổng diện tích nghiệm thu là 602,81 ha, đạt 75,07% so với kế hoạch giao; tổng dự toán giao 8.311,12 triệu đồng (từ nguồn cân đối NSDP và bổ sung có mục tiêu); kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán 5.984,89 triệu đồng; kinh phí chưa sử dụng 2.346,23 triệu đồng (hủy dự toán 2.038,75 triệu đồng; chuyển nguồn 307,48 triệu đồng)³⁷. Về cơ bản, hồ sơ, trình tự thực hiện theo quy định; tuy nhiên có tồn tại, hạn chế sau:

³⁵ Huyện Sìn Hồ 04 dự án, 240ha (năm 2017, 2018, 2019, 2020); huyện Phong Thổ 03 dự án, 90ha (năm 2017, 2018, 2019); thành phố 01 dự án (năm 2017); huyện Tam Đường 03 dự án, 68ha (năm 2017, 2018, 2019); huyện Tân Uyên 02 dự án, 176 ha (năm 2017, 2018); huyện Than Uyên 04 dự án, 430ha (năm 2017, 2018, 2019, 2020)

³⁶ Sìn Hồ 03 dự án năm 2017, 2018, 2019; Phong Thổ 02 dự án năm 2017, 2018; Tam Đường 02 dự án năm 2017, 2018; Tân Uyên 01 dự án năm 2017; Than Uyên 04 dự án năm 2017, 2018, 2019, 2020)

³⁷ Không kiểm tra là 05 dự án do đã được thanh tra, kiểm tra

- *Về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán:* Chưa xây dựng dự toán nội dung bón lót để phù hợp với hướng dẫn kỹ thuật cuộc hó, trộn phân trong nội dung trồng rừng (huyện: Phong Thổ 01 dự án, Tân Uyên 01 dự án, Sìn Hồ 02 dự án, Than Uyên 04 dự án); chưa quy định và hướng dẫn nội dung xử lý thực bì, cuộc hó trộn phân, bóc xếp vận chuyển cây đi trồng và kỹ thuật trồng rừng theo quy định tại Quyết định 1203/QĐ-UBND (huyện Sìn Hồ 02 dự án); chưa xây dựng định mức số cây trồng dặm theo hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây Sơn tra ban hành kèm theo Quyết định 1203/QĐ-UBND (huyện: Sìn Hồ 01 dự án; Than Uyên 04 dự án); hồ sơ TKKT, dự toán chưa ban hành kèm theo hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây Sơn tra, Thông mã vĩ để làm căn cứ thực hiện (huyện Than Uyên 04 dự án).

- *Về mua bán cây giống:* Hồ sơ mua bán cây giống của Ban QLRPH các huyện chưa đầy đủ thủ tục theo quy tại Điều 34, khoản 4 Điều 37, khoản 2 Điều 40 Quyết định 89/2005/QĐ-BNN và điểm c khoản 1, 2 Điều 15 Thông tư 30/2018/TT-BNN (chưa có giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con; chưa có bản sao chứng nhận nguồn gốc lô giống; chưa có phiếu xuất kho hoặc có nhưng không ghi mã số nguồn giống; chưa có sổ theo dõi, cập nhật, xuất cây giống; chưa có hóa đơn tài chính hoặc có nhưng chưa ghi mã số nguồn giống; chưa có bảng kê vật liệu giống hoặc có nhưng chưa phù hợp về chủ vật liệu giống với các nội dung quy định tại các hợp đồng gieo ươm; chưa có nhật ký ghi chép các công đoạn sản xuất cây giống, sản xuất vật liệu giống; giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con chưa phù hợp với hồ sơ giống nêu tại hợp đồng gieo ươm, cung cấp và vận chuyển cây giống; cơ sở sản xuất kinh doanh giống chưa công bố tiêu chuẩn giống cây trồng; hồ sơ của đơn vị cung ứng giống chưa có phiếu xuất kho; chưa có sổ theo dõi xuất cây giống; hóa đơn tài chính chưa ghi mã số nguồn giống, số lượng cây giống; chưa đảm bảo tiêu chí về tuổi cây; chưa có bảng kê vật liệu giống).

- *Về nghiệm thu trồng rừng:* Chưa thành lập Hội đồng nghiệm thu (huyện: Sìn Hồ 03 dự án, Tam Đường 02 dự án, Mường Tè 02 dự án); chưa có báo cáo kết quả thực hiện công trình lâm sinh (huyện: Mường Tè 02 dự án, Sìn Hồ 03 dự án, Tam Đường 02 dự án, Than Uyên 04 dự án); chưa tổ chức nghiệm thu chăm sóc năm thứ 2, 3, 4 theo hồ sơ TKKT, dự toán đã được phê duyệt (huyện: Sìn Hồ 02 dự án, Tam Đường 02 dự án, Than Uyên 04 dự án); biên bản nghiệm thu trồng rừng (bước 2) chưa đề xuất biện pháp xử lý đối với diện tích có tỷ lệ cây sống từ 50% đến <85% quy định tại Mục 2 Phần I Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 23/2016/TT-BNNPTNT và chăm sóc năm thứ 2, trồng dặm cho đủ mật độ quy định (huyện: Sìn Hồ 01 dự án, Than Uyên 04 dự án); chưa tổ chức nghiệm thu chăm sóc rừng trồng năm thứ 1 theo hồ sơ TKKT, dự toán đã phê duyệt và theo quy định tại Điều 14 Thông tư 23/2016/TT-BNNPTNT (huyện Sìn Hồ 02 dự án); nghiệm thu chăm sóc năm trồng trùng với thời gian nghiệm thu trồng rừng (bước 2) chưa phù hợp theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Thông tư 23/2016/TT-BNNPTNT (xã Pa Tần, Làng Mô, huyện Sìn Hồ năm 2017).

- Về điều kiện hỗ trợ, thực hiện giải pháp về đất đai: Năm 2018, Ban QLRPH Nậm Na huyện Sin Hồ chưa hướng dẫn, yêu cầu các hộ đăng ký và cam kết trồng rừng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND và Quyết định 29/2016/QĐ-UBND; thẩm định, thiết kế thực hiện đề án chưa đầy đủ thủ tục đối với yêu cầu giải pháp về đất đai theo quy định đầu tư quản lý công trình lâm sinh.

5.5. Đề án khuyến khích phát triển cây Mắc ca

Tổng số dự án thực hiện trong giai đoạn 2018 - 2019 là 13 dự án/07 huyện, thành phố³⁸ với kế hoạch giao 2.015 ha³⁹; diện tích đã thực hiện trồng 1.535,43 ha (trồng thuần 641,6 ha; trồng xen 893,83 ha). Qua kiểm tra 03 dự án⁴⁰ với tổng dự toán giao 7.369,57 triệu đồng (từ nguồn cân đối NSDP và bổ sung có mục tiêu); kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán 4.394,82 triệu đồng; số chưa sử dụng 2.974,75 triệu đồng (hủy dự toán)⁴¹. Về cơ bản, hồ sơ, trình tự thực hiện đảm bảo theo quy định; tuy nhiên có tồn tại, hạn chế sau:

- Về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán: Phê duyệt hồ sơ TKKT, dự toán chưa đảm bảo về quy mô⁴² (huyện Phong Thổ năm 2018); thành phần hồ sơ TKKT, dự toán chưa đảm bảo (bảng Thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh chưa theo mẫu; bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thiết kế công trình lâm sinh chưa đúng tỷ lệ; dự toán công trình lâm sinh, hồ sơ đề nghị phê duyệt chưa đầy đủ nội dung) theo quy định tại Điều 4, 5, 6 Thông tư 23/2016/TT-BNN (huyện Than Uyên).

- Về hợp đồng trồng rừng: Ban QLRPH huyện Nậm Nhùn ký hợp đồng trồng rừng tại xã Nậm Chà sau thời gian thực hiện nghiệm thu bước 1, chưa đảm bảo theo hồ sơ TKKT; hợp đồng trồng rừng giữa Ban QLRPH huyện Than Uyên với các hộ gia đình còn thiếu bản sao hộ khẩu thường trú, giấy chứng nhận QSD đất hoặc hợp đồng thuê đất kèm theo.

- Về mua bán cây giống: Hồ sơ mua bán cây giống của Ban QLRPH các huyện Nậm Nhùn, Than Uyên chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 4 Điều 37 và khoản 3, Điều 39 Quyết định 89/2005/QĐ-BNN và điểm c khoản 1, 2 Điều 15 Thông tư số 30/2018/TT-BNN (chưa có phiếu xuất kho, sổ theo dõi, sổ sách chứng minh nguồn giống và hóa đơn tài chính chưa thể hiện mã số nguồn gốc giống; chưa có bảng kê vật liệu giống); chưa có thông báo mời thầu, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, các đơn vị tham gia dự thầu không có bảo

³⁸ năm 2017 là 06 dự án, năm 2018 là 05 dự án, năm 2019 là 04 dự án, năm 2020 là 02 dự án

³⁹ Huyện Than Uyên: 300ha, huyện Tân Uyên 300ha, huyện Tam Đường 199ha, huyện Phong Thổ 215ha, Sin Hồ 220ha, Nậm Nhùn: 180ha, Mường Tè: 400ha, thành phố 201ha.

⁴⁰ 01 dự án năm 2019 huyện Nậm Nhùn; 01 dự án năm 2018 huyện Phong Thổ; 01 dự án năm 2018 huyện Than Uyên.

⁴¹ Không kiểm tra 08 dự án do đã được thanh tra, kiểm tra và không kiểm tra 02 dự án của thành phố Lai Châu do Sở Nông nghiệp và PTNT không tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

⁴² Ở bản vùng tập trung phải có quy mô 10 ha trở lên, tuy nhiên theo hồ sơ thiết kế, kỹ thuật bản Nà Vàng 8,71 ha; bản Tả Lèng Sung 6,03 ha

đảm dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu (huyện Than Uyên); biên bản bàn giao cây giống cho các hộ gia đình tham gia trồng rừng trước thời điểm đơn vị cung ứng bàn giao cây giống (huyện Nậm Nhùn 2019).

- *Công tác nghiệm thu; thực hiện giải pháp về đất đai:* Chưa thành lập Hội đồng nghiệm thu (huyện Phong Thổ, Than Uyên); chưa có báo cáo kết quả thực hiện công trình lâm sinh (03/03 dự án/03 huyện: Nậm Nhùn, Phong Thổ, Than Uyên); biên bản nghiệm thu sau khi trồng rừng (bước 2) chưa thể hiện nội dung nghiệm thu loài cây trồng (Ban QLRPH huyện Phong Thổ) theo quy định điểm a, d, khoản 2 Điều 9 và mẫu số 05 Thông tư 23/2016/TT-BNNPTNT; Ban QLRPH huyện Nậm Nhùn thực hiện nghiệm thu bước 1, bước 2 tại xã Mường Mô, nghiệm thu bước 2 và nghiệm thu chăm sóc năm trồng tại xã Trung Chải cùng thời gian chưa đảm bảo theo quy định khoản 3 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Thông tư 23/2016/TT-BNNPTNT; chưa có biên bản nghiệm thu chăm sóc năm trồng tại các xã Mường Mô, Nậm Chà, thị trấn Nậm Nhùn theo quy định Điều 14 Thông tư 23/2016/TT-BNNPTNT. Thẩm định, thiết kế thực hiện đề án chưa đầy đủ thủ tục đối với yêu cầu giải pháp về đất đai theo quy định đầu tư quản lý công trình lâm sinh.

5.6. Thực hiện Đề án phát triển rừng bền vững

Tổng số dự án thực hiện Đề án phát triển rừng bền vững theo Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh là 07 dự án/6 huyện⁴³; với diện tích giao 1.650,0 ha, diện tích thực hiện trồng 1.532,69 ha, đạt 92,89% so với kế hoạch giao; diện tích nghiệm thu là 1.433,98 ha, đạt 86,91% so với kế hoạch giao. Đoàn thanh tra, kiểm tra 06 dự án/5 huyện với tổng diện tích giao 1.300,0 ha, diện tích thực hiện trồng 1.214,53 ha đạt 93,43% so với kế hoạch giao; diện tích nghiệm thu 1.174,96 ha, đạt 90,38% so với kế hoạch giao; tổng dự toán giao 28.126,87 triệu đồng (*từ nguồn cân đối NSDP và bổ sung có mục tiêu*); kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán 16.312,20 triệu đồng; số chưa sử dụng 11.814,67 triệu đồng (*hủy dự toán 11.493,44 triệu đồng; chuyển nguồn 312,23 triệu đồng*)⁴⁴. Qua kiểm tra hồ sơ, trình tự thực hiện đề án cơ bản đảm bảo theo quy định; tuy nhiên có tồn tại, hạn chế sau:

- *Về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán:* Đối với 05 dự án trồng cây Quế, quyết định phê duyệt TKKT, dự toán của UBND các huyện quy định một số chỉ tiêu cây giống, định mức KTKT, dự toán có nội dung chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn ngành 04 TCN 23-2000. Ban QLRPH huyện Mường Tè triển khai thực hiện dự án trồng Quế có 415 lô với diện tích 50,18 ha chưa đảm bảo diện tích trồng tối thiểu liên vùng từ 0,3 ha trở lên theo quy định tại Nghị Quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025 (*viết tắt là Nghị Quyết 08/2021/NQ-HĐND*).

⁴³ 06 dự án trồng cây Quế tại các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sin Hồ, Phong Thổ, Tân Uyên, Than Uyên và 01 dự án trồng cây gỗ lớn (Giôi xanh) tại huyện Tân Uyên.

⁴⁴ Không kiểm tra 01 dự án (trồng quế năm 2021 tại huyện Sin Hồ) do đã được thanh tra, kiểm tra.

- *Về mua bán cây giống*: Hồ sơ mua bán cây giống của Ban QLRPH huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Tân Uyên, Than Uyên chưa đảm bảo theo quy định điểm a, c khoản 1, 2 Điều 15 Thông tư 30/2018/TT-BNN và điểm d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/2/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp (chưa có nhật ký gieo ươm; chưa có bảng kê cây giống xuất bán theo từng mã số nguồn giống; chưa có bảng kê vật liệu giống; chưa có bản chụp quyết định công nhận nguồn giống; chưa có hóa đơn tài chính; chưa có phiếu xuất kho hoặc có nhưng chưa ghi mã nguồn giống; có hóa đơn tài chính nhưng chưa ghi mã nguồn giống, số lượng cây giống; nghiệm thu một số chỉ tiêu cây giống chưa đảm bảo theo quy định).

- *Về nghiệm thu rừng trồng và chăm sóc rừng trồng*: Ban QLRPH huyện Nậm Nhùn chưa nghiệm thu chỉ tiêu bón lót theo hồ sơ TKKT, chưa lập biên bản nghiệm thu nội dung xử lý thực bì, cuốc hố, trộn phân (trồng dặm).

5.7. Kiểm tra thực tế

Qua kiểm tra tại thực địa một số dự án trồng Quế, Sơn tra tại huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Phong Thổ; Ban QLRPH huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Phong Thổ đã thực hiện thiết kế và nghiệm thu thanh toán trên diện tích không trồng rừng và diện tích đã được nghiệm thu thanh toán các năm trước với diện tích 14,97 ha, tương ứng với số tiền 218,12 triệu đồng (huyện: Mường Tè 1,01 ha, số tiền 17,812 triệu đồng tại dự án trồng Quế năm 2020, 2021; Nậm Nhùn 3,42 ha, số tiền 50,05 triệu đồng tại dự án trồng Quế năm 2017-2021; Sìn Hồ: 10,02 ha, số tiền 145,407 triệu đồng tại dự án trồng Quế năm 2017-2019, Sơn tra năm 2017, 2019; Phong Thổ: 0,52 ha, số tiền 4,854 triệu đồng tại dự án trồng Sơn tra 2018, 2019).

6. Công tác khoán bảo vệ rừng (KBVR) theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP)

Qua kiểm tra 08 phương án KBVR từ năm 2015-2017 tại các huyện Mường Tè 01 phương án; Nậm Nhùn 02 phương án; Sìn Hồ 02 phương án; Tân Uyên 03 phương án với tổng diện tích khoán là 241.355,21 ha, diện tích được nghiệm thu, thanh toán 239.807,01 ha. Tổng kinh phí giao 93.536,207 triệu đồng; kinh phí thực hiện 68.493,742 triệu đồng (chi trả cho các hộ nhận khoán 64.464,779 triệu đồng; chi mua gạo hỗ trợ: 3.019,581 triệu đồng; chi phí quản lý: 1.009,382 triệu đồng); kinh phí chưa thực hiện 25.042,465 triệu đồng (chuyển nguồn 14.952,004 triệu đồng; hủy dự toán 10.090,461 triệu đồng). Về cơ bản, hồ sơ, trình tự thực hiện đảm bảo theo quy định; tuy nhiên có tồn tại, hạn chế sau:

- Thời điểm ký kết hợp đồng giao nhận KBVR giữa Ban QLRPH với các bản còn chậm⁴⁵; không xây dựng bản đồ khu vực KBVR, không có danh sách các

⁴⁵ Huyện Mường Tè ký kết hợp đồng vào đầu tháng 3/2016; huyện Nậm Nhùn ký kết hợp đồng vào đầu tháng 7/2015 và cuối tháng 3, đầu tháng 4/2016; huyện Sìn Hồ ký kết hợp đồng năm 2015, 2016 vào cuối tháng 6, đầu tháng 7; huyện Tân Uyên ký kết hợp đồng vào cuối tháng 7, đầu tháng 8 năm 2016, 2017.

hộ nhận khoán kèm theo hợp đồng và không thực hiện bàn giao diện tích rừng cho các bản nhận khoán theo quy định tại Công văn số 4545/BNN-TCLN (huyện: Sơn Hòa, Tân Uyên). Ban QLRPH huyện Nậm Nhùn: ký hợp đồng KBVR năm 2015, 2016 với BCHQS xã Trung Chải (1.274,90 ha) và nghiệm thu, thanh toán cho Ban CHQS xã Trung Chải và lực lượng quân xã số tiền 764,94 triệu đồng⁴⁶ không đúng đối tượng theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định trình tự, thủ tục, cơ chế chính sách thực hiện trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ.

- Ban QLRPH huyện Nậm Nhùn thực hiện hỗ trợ gạo cho các hộ không tham gia nhận khoán bảo vệ rừng sai quy định theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP.

7. Công tác thanh tra, kiểm tra và thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, giám sát

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Giai đoạn 2015-2021, Sở NN&PTNT đã thực hiện 09 cuộc thanh tra, kiểm tra có liên quan đến công tác QLBPTR trên địa bàn các huyện, thành phố⁴⁷ với các nội dung chủ yếu: Thanh tra việc quản lý, chi trả dịch vụ môi trường rừng; việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy lợi, nước sinh hoạt nông thôn, hoạt động sản xuất kinh doanh, chế biến lâm sản trên địa bàn các huyện, thành phố; việc thực hiện các đề án phát triển cây Quế, Mắc Ca, Sơn tra... Tuy nhiên, không thực hiện thanh tra nội dung công tác sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 42, 43 Quyết định 89/2005/QĐ-BNN và Điều 18 Thông tư 30/2018/TT-BNNPTNT.

- Việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, giám sát: Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, cơ bản hoàn thành các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý⁴⁸ của Thanh tra tỉnh, Đoàn

⁴⁶ Bản Nậm Sê xã Trung Chải có đơn đề nghị trả lại diện tích rừng khu vực giáp biên giới cho các đoàn thể xã thực hiện BVR, căn cứ Công văn số 160a/CV-UBND ngày 29/4/2014 của UBND huyện Nậm Nhùn (ông Nguyễn Quang Hải – PCT UBND huyện ký) về việc chấp thuận phương án giao khoán diện tích rừng khu vực biên giới cho BCHQS xã Trung Chải quản lý bảo vệ.

⁴⁷ Năm 2017: 02 cuộc: Kết luận Thanh tra số 981/KL-SNN việc thực hiện một số chương trình, dự án đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy lợi trên địa bàn huyện Thuận Yên năm 2014-2016, ngày 05/9/2017; Kết luận Thanh tra số 521/KL-SNN, ngày 29/5/2017 việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện Phong Thổ năm 2015-2016.

Năm 2018: 02 cuộc, gồm: Kết luận thanh tra số 719/KL-SNN ngày 11/7/2018 việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy lợi trên địa bàn thành phố Lai Châu; Kết luận Thanh tra số 1177/KL-SNN ngày 05/11/2018 việc thực hiện đề án phát triển cây quế trên địa bàn huyện Tân Uyên.

Năm 2019: 02 cuộc: Kết luận Thanh tra số 2070/KL-SNN, ngày 18/12/2019 việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy lợi và cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện Tam Đường; Kết luận thanh tra số 1059/KL-SNN ngày 23/7/2019 việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy lợi và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện Thuận Yên tỉnh Lai Châu.

Năm 2020: 01 cuộc: Kết luận Thanh tra số 1373/KL-SNN, ngày 08/7/2020 việc chấp hành các quy định của pháp luật về 21 lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy lợi và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện Mường Tè.

Năm 2021: 02 cuộc: Kết luận Thanh tra số 1190/KL-SNN ngày 18/6/2021 việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy lợi và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện Phong Thổ; Kết luận Thanh tra số 2645/KL-SNN, ngày 21/12/2021 việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy lợi và nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện Tân Uyên.

⁴⁸ Báo cáo số 166/BC-ĐDBQH ngày 19/9/2017 báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng đất có rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lai Châu của Đoàn đại biểu Quốc hội; Báo cáo số

giám sát HĐND tỉnh, Đoàn giám sát đại biểu Quốc hội tỉnh, Đoàn kiểm tra liên ngành tỉnh, Tổng cục Lâm nghiệp và Kiểm toán Nhà nước. Tuy nhiên, chưa tổ chức thực hiện xong một số kiến nghị tại Kết luận thanh tra số 798/KL-TTr ngày 25/10/2022 của Thanh tra tỉnh⁴⁹; Kết luận số 1190/KL-TCLN-KL ngày 06/8/2019 của Tổng cục Lâm nghiệp⁵⁰.

C. KẾT LUẬN

I. NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

Giai đoạn 2015-2021, Công tác QLBPTR trên địa bàn tỉnh luôn được Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở NN&PTNT, các cấp, ngành từ tỉnh đến cơ sở quan tâm, chú trọng triển khai thực hiện. Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch QLBPTR thể hiện tính đồng bộ, thống nhất gắn với tình hình thực tiễn tại địa phương. Công tác quản lý nhà nước được tăng cường, bộ máy, lực lượng quản lý nhà nước, thực thi nhiệm vụ QLBPTR được củng cố, kiện toàn, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Sở NN&PTNT đã tham mưu, chỉ đạo thực hiện các giải pháp tăng cường công tác tuyên truyền, PBGDPL về QLBPTR, tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động; nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, người dân trong công tác QLBPTR, tác động tích cực, trực tiếp đến kết quả QLBPTR trên địa bàn tỉnh. Công tác tuần tra, truy quét, bảo vệ rừng được tăng cường; duy trì lực lượng trực tại các khu vực trọng điểm có nguy cơ xảy ra phá rừng, cháy rừng và thực hiện cập nhật, theo dõi cảnh báo cháy rừng theo quy định. Đầu tư trang bị công cụ, phương tiện cần thiết cho lực lượng kiểm lâm, lực lượng chuyên trách BVR, cộng đồng dân cư thực hiện nhiệm vụ QLBPTR, PCCCR. Tham mưu, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả đối với việc quy hoạch, xây dựng chương trình, dự án phát triển kinh tế trên đất lâm nghiệp, các chương trình, đề án, dự án trồng rừng gắn với các loài cây có giá trị kinh tế, đa mục đích như Quế, Sơn tra, Mắc ca, Giổi xanh, cây gõ lớn, ...; tranh thủ sự đồng

60/BC-ĐDBQH ngày 24/4/2019 báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2013-2018 trên địa bàn tỉnh Lai Châu của Đoàn đại biểu Quốc hội; Báo cáo số 177/BC-HĐND ngày 26/6/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu báo cáo giám sát việc triển khai thực hiện trồng và chăm sóc cây Quế, Mắc ca trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020; Báo cáo số 207/BC-HĐND ngày 03/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu báo cáo giám sát tình hình triển khai thực hiện các chỉ tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; Kết luận số 36/KL-TTr ngày 23/01/2017 của Thanh tra tỉnh Lai Châu về trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong việc quản lý và sử dụng kinh phí chi trả DVMTR tỉnh Lai Châu; Kết luận số 772/KL-TTr ngày 05/12/2018 của Thanh tra tỉnh về việc chấp hành các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng tại Sở Nông nghiệp và PTNT; Kết luận số 798/KL-TTr ngày 25/10/2022 của Chánh thanh tra tỉnh Lai Châu về kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn; việc quản lý, sử dụng ngân sách tại Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lai Châu và các đơn vị trực thuộc giai đoạn 2020-2021; Kết luận số 34/KL-ĐKTrLN ngày 03/12/2020 của Đoàn kiểm tra liên ngành về kết luận kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Kết luận số 1190/KL-TCLN-KL ngày 06/8/2019 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc chấp hành quy định của pháp luật về thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Thông báo số 503/TB-KV VII ngày 25/7/2022 của Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019, năm 2021 của tỉnh Lai Châu.

⁴⁹ Phối hợp với Chi cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lai Châu thu hồi tạm ứng số tiền 60 triệu đồng theo Kết luận tại bản án số 53/2008/HSST ngày 28/4/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh và Kết luận 586/KL-TTr ngày 21/8/2020 của Thanh tra tỉnh

⁵⁰ Làm rõ quá trình thực hiện khai thác tận dụng gỗ, lâm sản và thu hồi, xử lý tài sản nhà nước đối với 16 dự án không thực hiện khai thác tận dụng lâm sản khi thực hiện dự án, xác định rõ trách nhiệm, sai phạm của tập thể, cá nhân có liên quan, đề xuất các giải pháp khắc phục để tránh thất thoát tài sản nhà nước và xử lý theo quy định; buộc trồng lại rừng với diện tích rừng trồng thay thế đã chết theo kiến nghị của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lai Châu tại Báo cáo số 166/BC-ĐDBQH ngày 19/9/2017.

thuận, tham gia của cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vào công tác QLBPTR. Kịp thời triển khai thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định. Kết quả QLBPTR giai đoạn 2015 - 2021 đã góp phần nâng cao độ che phủ rừng (năm 2015 độ che phủ đạt 45,45%, đến năm 2021 đạt 51,44%); góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an sinh xã hội.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

Sở NN&PTNT tham mưu UBND tỉnh ban hành một số văn bản phê duyệt tiêu chuẩn giống cây trồng lâm nghiệp, định mức KTKT, dự toán có nội dung chưa đảm bảo quy định; chưa kịp thời tham mưu điều chỉnh quy hoạch BVPTTR để phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; chưa kiện toàn Hội đồng thẩm định nguồn giống cây trồng lâm nghiệp; chưa thực hiện thanh tra công tác sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp và Hội đồng thẩm định không thực hiện thẩm định nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định.

Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thành phố khi tham mưu, triển khai thực hiện một số đề án trồng rừng, phát triển rừng thì việc tham mưu, triển khai thẩm định, thiết kế thực hiện đề án chưa đầy đủ thủ tục đối với yêu cầu giải pháp về đất đai theo quy định đầu tư quản lý công trình lâm sinh.

UBND các huyện chưa tổ chức lập phương án quản lý rừng bền vững trên diện tích rừng, đất lâm nghiệp; chưa xây dựng quy hoạch BVPTTR, chưa xây dựng kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng.

Một số huyện, thành phố chưa xây dựng kế hoạch BVPTTR; việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán; hồ sơ, thủ tục mua bán cây giống; triển khai, nghiệm thu trồng rừng; ...có nội dung chưa đảm bảo quy định.

Hạt kiểm lâm một số huyện, thành phố xử lý tang vật vi phạm sau tịch thu một số vụ việc chậm; còn có vụ việc phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản trái phép; thành lập hội đồng thẩm định giá trị tang vật có vụ việc còn chưa đảm bảo theo quy định; chưa xử lý dứt điểm số tiền 525,150 triệu đồng đã xử phạt vi phạm hành chính.

Ban QLTPH huyện Nậm Nhùn, Tam Đường, Sìn Hồ thanh toán chi hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh không đúng đối tượng, chi phí quản lý vượt dự toán, không đúng nguồn tương đương với số tiền 1.088,365 triệu đồng.

Ban QLTPH huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Phong Thổ đã thực hiện thiết kế và nghiệm thu thanh toán trên diện tích không trồng rừng và diện tích đã được nghiệm thu thanh toán các năm trước với diện tích 14,97 ha tương ứng với số tiền 218,12 triệu đồng.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

Hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt TKKT, dự toán chương trình, đề án, dự án trồng rừng tương đối phức tạp, được điều chỉnh, hướng dẫn tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, địa phương; trong khi văn bản hướng dẫn chuyên ngành còn chưa kịp thời, đầy đủ nên đã ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án trồng rừng nói riêng và công tác QLBPTR nói chung. Thực hiện hướng dẫn trồng, chăm sóc rừng trồng năm thứ nhất theo chính sách đầu tư, hỗ trợ trên cơ sở định mức KTKT, dự toán quy định nhưng công tác hướng dẫn chăm sóc rừng trồng các năm tiếp theo còn lúng túng, chưa chi tiết theo quy định. Nhu cầu vốn thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển rừng lớn, trong khi nguồn lực của tỉnh còn hạn chế, phân bổ nguồn vốn còn chậm, chính sách đầu tư hỗ trợ thấp do vậy chưa khuyến khích được người dân tham gia công tác trồng, chăm sóc, BPTR. Trình độ dân trí không đồng đều, nhận thức của một bộ phận Nhân dân có mặt hạn chế; đời sống của người dân còn khó khăn, kinh tế phụ thuộc vào sản xuất nông, lâm nghiệp là chính; gây áp lực không nhỏ cho hoạt động QLBPTR. Hệ thống hạ tầng lâm sinh chưa phát triển; địa hình hiểm trở, chia cắt, phức tạp, độ dốc lớn; giao thông đi lại không thuận lợi; trang thiết bị phục vụ cho công tác QLBPTR còn thiếu ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ của lực lượng QLBPTR địa phương. Thời vụ trồng rừng ngắn, trùng với mùa vụ sản xuất nông nghiệp; thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng, hanh khô kéo dài, thường có băng tuyết vào mùa đông, sạt lở, lũ quét vào mùa mưa; diện tích rừng trồng chủ yếu nằm ở những địa bàn vùng sâu, vùng xa nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tác động đến tiến độ trồng rừng, quá trình sinh trưởng, phát triển rừng trồng, công tác giao KBVR, PCCCR. Lực lượng Hạt kiểm lâm, Ban QLRRPH các huyện mỏng chưa đáp ứng được theo yêu cầu nhiệm vụ; địa bàn rộng, phức tạp gây khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng công tác QLBPTR. Năm 2020, 2021 là thời điểm dịch bệnh Covid-19 bùng phát, diễn biến phức tạp, kéo dài cản trở đến mọi mặt đời sống của Nhân dân; các hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng có thời điểm bị ngưng trệ do thực hiện phong tỏa, cách ly theo quy định.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ QLBPTR chưa thực sự quyết liệt; nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác phát triển lâm nghiệp chưa đầy đủ, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại. Việc tham mưu, nghiên cứu, thực hiện quy định của pháp luật về QLBPTR có mặt còn hạn chế, chưa chủ động, kịp thời; chất lượng tham mưu, thực hiện nhiệm vụ của một số cán bộ, công chức, viên chức hiệu quả chưa cao. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt TKKT, dự toán của một số chương trình, đề án, dự án trồng rừng và chỉ tiêu của một số giống cây trồng lâm nghiệp có nội dung chưa bám sát, chưa đảm bảo quy định của pháp luật. Quá trình thiết kế trồng rừng còn chưa sát với thực tế, giải pháp về đất đai

chưa rõ ràng, đồng nhất. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên ngành chưa bao quát hết nhiệm vụ theo chức năng, nhất là việc thanh tra chấp hành quy định của pháp luật đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung ứng cây giống và công tác nghiệm thu các hạng mục công trình lâm sinh.

III. TRÁCH NHIỆM

Đối với những tồn tại, hạn chế nêu tại Tiết 1 Mục II Phần C Kết luận này, trách nhiệm chung trước hết thuộc về tập thể Ban Giám đốc, Giám đốc và Phó giám đốc Sở NN&PTNT phụ trách lĩnh vực lâm nghiệp; tiếp đó thuộc về tập thể lãnh đạo UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch và Phó chủ tịch UBND các huyện, thành phố phụ trách lĩnh vực lâm nghiệp; Hạt Kiểm lâm, Ban QLRPH, Phòng NN&PTNT (lãnh đạo, kế toán và cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn, kỹ thuật trực tiếp thực hiện nhiệm vụ).

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. VỀ HÀNH CHÍNH

Giám đốc Sở NN&PTNT, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức kiểm điểm, xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân giai đoạn 2015-2021 để xảy ra những tồn tại, hạn chế nêu trên và có hình thức xử lý trách nhiệm phù hợp theo quy định của pháp luật.

II. VỀ KINH TẾ

Tổng sai phạm phát hiện qua thanh tra, kiến nghị thu hồi, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.088,365 triệu đồng (*Có biểu chi tiết kèm theo*).

III. VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ

1. Đối với Sở NN&PTNT

Tăng cường hơn nữa việc đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, PBGDPL để mỗi người dân, cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiếp cận, nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác QLBPTR đối với đời sống Nhân dân, tình hình thực tiễn tại địa phương và yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh-quốc phòng trong tình hình mới.

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước lĩnh vực lâm nghiệp, đặc biệt nâng cao chất lượng tham mưu, ban hành văn bản áp dụng, thực hiện, hướng dẫn thực hiện pháp luật đối với công tác QLBPTR. Chủ động rà soát, đánh giá, đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới quy định liên quan đến công tác QLBPTR.

Tham mưu, chỉ đạo rà soát, kiểm tra, đánh giá diện tích rừng trồng hết giai đoạn đầu tư nhưng chưa thành rừng; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và đề xuất phương án khắc phục theo định hướng tại Công văn 489/UBND-KTN. Rà soát, đánh giá cụ thể tỷ lệ trồng rừng vượt so với chỉ tiêu kế hoạch giao, giải pháp về đất đai trong thiết kế, triển khai trồng rừng. Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức khắc phục

dứt điểm các kiến nghị theo kết luận thanh tra của Tổng cục Lâm nghiệp và Thanh tra tỉnh liên quan đến công tác QLBPTR.

Tiếp tục tham mưu, tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quy hoạch rừng; phương án quản lý rừng bền vững; kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; bảo vệ thực, động vật rừng; PCCCR; kiểm tra nguồn gốc lâm sản; củng cố lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; khoanh nuôi tái sinh; kiểm tra, đánh giá rừng trồng; kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ phát triển rừng; ... Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng, chuyên môn liên quan trong tham mưu, tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước và chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về QLBPTR.

Chỉ đạo thực hiện thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp; xử lý, kiến nghị xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và trình tự, thủ tục thẩm định nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định.

2. Đối với UBND các huyện, thành phố

Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, PBGDPL về QLBPTR trong phạm vi quản lý đến các đối tượng bằng hình thức phù hợp. Tổ chức thực hiện và chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác QLBPTR. Chủ động rà soát, kịp thời phát hiện những sơ hở, bất cập, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới quy định liên quan đến công tác QLBPTR.

Phát huy vai trò, vị trí theo chức năng, nhiệm vụ và gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chuyên môn trong tham mưu, tổ chức thực hiện công tác QLBPTR tại địa phương. Tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá diện tích rừng trồng giai đoạn 2015 - 2021 nhưng chưa thành rừng, xây dựng phương án khắc phục và báo cáo Sở NN&PTNT theo quy định, chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh.

Chấp hành nghiêm quy định của pháp luật chuyên ngành lâm nghiệp, đặc biệt đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt TKKT, dự toán; giải pháp về đất đai trong thiết kế, trồng rừng; trình tự, thủ tục, hồ sơ mua bán giống cây trồng lâm nghiệp; công tác nghiệm thu, chăm sóc rừng trồng; quản lý tài sản công; thanh quyết toán chương trình, đề án, dự án trồng rừng; ... theo đúng quy định của pháp luật. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm trong công tác QLBPTR theo thẩm quyền; xử lý dứt điểm số tiền 525,150 triệu đồng đã xử phạt vi phạm hành chính.

3. Kiến nghị với UBND tỉnh

Chỉ đạo Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thành phố thường xuyên rà soát, đánh giá, kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công

tác QLBPTR; đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để áp dụng thực hiện; tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành lâm nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan trong tham mưu, tổ chức thực hiện công tác QLBPTR; tăng cường, lựa chọn, trú trọng nội dung, hình thức tuyên truyền, PBGDPL về QLBPTR phù hợp, hiệu quả.

Chỉ đạo Sở NN&PTNT: Tập trung, khẩn trương rà soát việc tham mưu, ban hành, hướng dẫn văn bản thực hiện quy định về tiêu chuẩn giống cây trồng lâm nghiệp, định mức KTKT, dự toán đối với các chương trình, đề án, dự án trồng rừng, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh để kịp thời tham mưu, ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ theo quy định của pháp luật và phù hợp tình hình thực tiễn của tỉnh. Tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả rà soát, kiểm tra, đánh giá diện tích rừng trồng hết giai đoạn đầu tư nhưng chưa thành rừng và đề xuất phương án khắc phục. Rà soát, đánh giá tỷ lệ trồng rừng vượt so với chỉ tiêu kế hoạch giao; việc thực hiện quy định của pháp luật về điều kiện, giải pháp đất đai trong thâm định, thiết kế thực hiện chương trình, đề án, dự án trồng rừng, phát triển rừng. Tăng cường hơn nữa quản lý nhà nước đối với công tác QLBPTR.

IV. THỰC HIỆN KẾT LUẬN

Giám đốc Sở NN&PTNT, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm nội dung kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra theo Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện kết luận thanh tra (xây dựng, ban hành trình tự và báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Thanh tra tỉnh Lai Châu).

Trên đây là Kết luận thanh tra đột xuất công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2015-2021./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- UBND tỉnh Lai Châu;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Sở NN&PTNT;
- Sở: Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP, Phòng NV4 Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, HSTTr.

(B/C)

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Lò Văn Nhung

TỔNG HỢP SAI PHẠM TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRỒNG RỪNG GIAI ĐOẠN 2015-2021

(Kèm theo Kết luận thanh tra số: 890/KL-TTr ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Thanh tra tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Nội dung sai phạm	Giá trị	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		1.088.365.491	
I	Công tác khoán BVR		764.940.000	
1	Huyện Nậm Nhùn		764.940.000	
-	Thanh toán tiền hỗ trợ cho đối tượng nhận khoán BVR	Thanh toán kinh phí BVR không đúng đối tượng	764.940.000	Ban CHQS xã Trung Chải và lực lượng quân xã năm 2015, 2016
II	Công tác KNTS		50.000.000	
1	Huyện Tam Đường		50.000.000	
-	Thanh toán tiền hỗ trợ cho đối tượng nhận khoán KNTS	Khoán, nghiệm thu, thanh toán kinh phí KNTS không đúng đối tượng	50.000.000	Tổ cơ động xã Sơn Bình
III	Đề án phát triển cây Quế		55.302.000	
1	Huyện Sìn Hồ		55.302.000	
-	Chi phí quản lý	Chi văn phòng phẩm vượt dự toán đã được UBND huyện phê duyệt	22.760.000	Năm 2018
-	Chi phí quản lý	Chi văn phòng phẩm vượt dự toán đã được UBND huyện phê duyệt 6.775.000 đồng; chi tiền trực Tết từ nguồn chi phí quản lý 25.767.000 đồng	32.542.000	Năm 2019
V	Kiểm tra thực tế		218.123.491	
1	Huyện Mường Tè		17.811.700	Diện tích 1,01 ha
2	Huyện Nậm Nhùn	Không thực hiện trồng rừng (kiểm tra thực tế là đất ở, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng lúa) và trùng với diện tích đã nghiệm thu, thanh toán năm trước	50.050.248	Diện tích 1,88 ha
3	Huyện Sìn Hồ		145.407.120	Diện tích 12,30 ha
4	Huyện Phong Thổ		4.854.423	Diện tích 0,52 ha